UBND TỈNH HẢI DƯƠNG **SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 5518 /BC-SLĐTBXH	*Hải Dương, ngày 27 tháng 11 năm 2023*

BÁO CÁO
Đề xuất chủ trương đầu tư
Dự án: Cải tạo Trung tâm Điều dưỡng Người có công tỉnh Hải Dương

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương;
- Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư

A. CĂN CỨ LẬP BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯƠNG ĐẦU TƯ

Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Chương trình số 20/CTr-TU ngày 19/8/2021 của Tỉnh ủy Hải Dương về đảm bảo an sinh xã hội tỉnh Hải Dương giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 20/3/2023 của HĐND tỉnh Hải Dương về vi ệc Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án: Đầu tư xây dựng Đường vào khu di tích Côn Sơn- Kiếp Bạc (đoạn từ Quốc lộ 37 vào chùa Côn Sơn);

Căn cứ Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 06/11/2023 của HĐND tỉnh Hải Dương về phân bổ, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước 5 năm 2021-2025 và năm 2023 (lần 6);

Căn cứ Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 25/5/2023 của UBND tỉnh

Hải Dương về về việc phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án: Đầu tư xây dựng Đường vào khu di tích Côn Sơn- Kiếp Bạc (đoạn từ Quốc lộ 37 vào chùa Côn Sơn);

Căn cứ Thông báo 244 /TB-UBND ngày 15/11/2023 của UBND tỉnh về Danh mục dự án và dự kiến kế hoạch vốn NSĐP nguồn ngân sách tỉnh 5 năm 2021-2025.

Căn cứ Báo cáo Kết quả thẩm định Báo cáo chủ trương đầu tư Dự án: Cải tạo Trung tâm Điều dưỡng Người có công tỉnh Hải Dương Số 3562/BC-HĐ ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư các chương trình, dự án đầu tư công do cấp tỉnh quản lý.

Sau khi tiếp thu và chỉnh sửa các nội dung theo báo cáo kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư các chương trình, dự án đầu tư công do cấp tỉnh quản lý, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Dự án: Cải tạo Trung tâm Điều dưỡng Người có công tỉnh Hải Dương với các nội dung chính sau:

B. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án: Cải tạo Trung tâm Điều dưỡng Người có công tỉnh Hải Dương.

2. Dự án nhóm**:** Dự án nhóm B.

3. Cấp phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: HĐND tỉnh Hải Dương.

4. Cấp quyết định phê duyệt dự án: UBND tỉnh Hải Dương.

5. Địa điểm dự án: Trong khuôn viên khu đất sẵn có của Trung tâm Điều dưỡng Người có công tỉnh Hải Dương tại phường Cộng Hòa, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

6. Dự kiến tổng mức đầu tư (làm tròn): **50 tỷ đồng.**

(Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng chẵn).

7. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.

8. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2023 - 2025;

C. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA DỰ ÁN

I. SỰ CẦN THIẾT, CÁC ĐIỀU KIỆN ĐỂ THỰC HIỆN ĐẦU TƯ, ĐÁNH GIÁ VỀ SỰ PHÙ HỢP VỚI QUY HOẠCH CÓ LIÊN QUAN VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

1. SỰ CẦN THIẾT ĐẦU TƯ

1.1. Quá trình hình thành và phát triển

Hải Dương là một tỉnh thuộc khu vực Đồng bằng Bắc bộ, nằm giữa khu vực kinh tế trọng điểm phía Bắc: Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, diện tích tự nhiên là 1.661,22 km2, dân số trên 1,9 triệu người, có 12 huyện, thị xã, thành

phố với tổng số 235 xã, phường, thị trấn có hệ thống giao thông đa dạng thuận lợi để phát triển kinh tế xã hội.

Trải qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ xâm lược, đến nay tỉnh Hải Dương có 38.941 chiến sĩ đã hy sinh anh dũng trên khắp các chiến trường; có 22.546 thương binh và 10.482 bệnh binh là những chiến sĩ đã bỏ lại một phần xương máu của mình trên chiến trường, vĩnh viễn mang thương tật, bệnh tật suốt đời. Có 4.122 bà mẹ được truy tặng, phong tặng danh hiệu "Mẹ Việt Nam anh hùng"; 38 anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; 993 cán bộ hoạt động trước cách mạng và cán bộ Tiền Khởi nghĩa; 10.427 người hoạt động kháng chiến và con đẻ bị nhiễm chất độc hóa học; 3.642 người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù đày; 8.564 Thanh niên xung phong; có trên 50.218 quân nhân tham gia kháng chiến được hưởng trợ cấp theo Quyết định 142 của Thủ tướng chính phủ; có hàng vạn người được tặng thưởng huân chương, huy chương và bằng có công với nước.

Theo Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH ngày 09/12/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Ưu đãi người có công với cách mạng; Nghị định 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lện Ưu đãi người có công với cách mạng thì tỉnh Hải Dương có trên 150.000 người có công, trong đó có khoảng 27.000 người thuộc diện điều dưỡng, phục hồi sức khỏe. Chế độ điều dưỡng, phục hồi sức khỏe đối với người có công và thân nhân liệt sĩ bao gồm hai hình thức: điều dưỡng, phục hồi sức khỏe tại các cơ sở điều dưỡng và điều dưỡng, phục hồi sức khỏe tại gia đình. Bình quân hàng năm Trung tâm Điều dưỡng Người có công tỉnh Hải Dương được Sở Lao động – Thương binh và Xã hội phân bổ chỉ tiêu điều dưỡng cho trên 4.200 lượt người có công được điều dưỡng, phục hồi sức khỏe tại Trung tâm.

* Những khó khăn trong công tác điều dưỡng, phục hồi sức khỏe đối với người có công và thân nhân liệt sĩ của tỉnh Hải Dương tại Trung tâm Điều dưỡng Người có công tỉnh Hải Dương:

- Hằng năm có khoảng trên 7.000 người có công và thân nhân liệt sĩ của tỉnh Hải Dương có nhu cầu điều dưỡng, phục hồi sức khỏe tại các cơ sở điều dưỡng tập trung. Rất nhiều người có công và thân nhân nhân liệt sĩ trong số đó mong muốn được điều dưỡng, phục hồi sức khỏe tại Trung tâm Điều dưỡng Người có công tỉnh Hải Dương nhưng cơ sở vật chất của Trung tâm hiện tại chỉ tiếp nhận được 130-134 người có công và thân nhân liệt sĩ/đợt.

- Hiện tại cơ sở vật chất tại Trung tâm như: phòng nghỉ, phòng phục hồi chức năng, phòng phục vụ công tác điều dưỡng, hội trường, khu thể thao, trang thiết bị trong phòng, các trang thiết bị phục vụ công tác điều dưỡng, quan cảnh trung tâm đã cũ, hỏng hoặc chưa đáp ứng được nhu cầu của người có công và

thân nhân liệt sĩ đến điều dưỡng, phục hồi sức khỏe tại Trung tâm.

- Người có công và thân nhân liệt sĩ đến Trung tâm Điều dưỡng Người có công tỉnh Hải Dương đều là những người cao tuổi sức khỏe yếu, sinh hoạt gặp nhiều khó khăn, nhằm tạo ra môi trường sinh hoạt thoải mái, an toàn và tiện nghi cho người có công thì việc cải tạo, sửa chữa hạ tầng, điều chỉnh không gian để phù hợp với nhu cầu của người có công và thân nhân là rất cần thiết.

* Nguyên nhân của những khó khăn trên:

- Trung tâm tiếp nhận nguyên trạng từ nhà khách Hồ Côn Sơn đã được xây dựng từ những năm 1970.

- Trung tâm đã được quan tâm sửa chữa, nâng cấp hàng năm tuy nhiên chủ trương sửa chữa, nâng cấp chưa tập trung và đồng bộ, chưa đáp ứng được nhu cầu của người có công và thân nhân liệt sĩ đến điều dưỡng, phục hồi sức khỏe tại Trung tâm.

- Các trang thiết bị tại phòng nghỉ của Trung tâm mặc dù thường xuyên được thay thế, sửa chữa, tuy nhiên không đồng bộ và qua quá trình sử dụng thường xuyên với cường độ cao nên đã hư hỏng nhiều.

1.2. Hiện trạng cơ sở vật chất và hoạt động của Trung tâm Điều dưỡng Người có công tỉnh Hải Dương.

1.2.1. Cơ cấu tổ chức của Trung tâm Điều dưỡng Người có công tỉnh Hải Dương gồm:

a. Lãnh đạo Trung tâm gồm: Giám đốc và 02 Phó Giám đốc.

b. Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ gồm: Phòng Tổ chức - Hành chính; Phòng Y tế phục hồi chức năng; Phòng Tài vụ; Phòng Đời sống; Phòng Dịch vụ.

1.2.2. Hoạt động của Trung tâm Điều dưỡng Người có công tỉnh Hải Dương bao gồm:

- Xây dựng kế hoạch hoạt động của Trung tâm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt;

- Tiếp nhận Người có công trong và ngoài tỉnh theo kế hoạch điều dưỡng hàng năm của tỉnh và Bộ Lao động Thương binh và Xã hội;

- Tổ chức khám sức khỏe, chăm sóc y tế, phục hồi chức năng vận động, hướng dẫn rèn luyện thể lực, nâng cao sức khỏe cho Người có công điều dưỡng tại Trung tâm;

- Hướng dẫn, tư vấn cho Người có công về việc chăm sóc, giữ gìn sức khỏe của bản thân;

- Tổ chức các hoạt động chăm sóc đời sống tinh thần cho Người có công trong thời gian điều dưỡng: Thăm quan; chụp ảnh; nghe thời sự; tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao, … tùy theo khả năng của Trung tâm và Người có công điều dưỡng tại Trung tâm;

- Phối hợp với các cơ quan liên quan để hợp đồng tiếp nhận điều dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong và ngoài tỉnh đến nghỉ dưỡng theo chế độ;

- Khai thác cơ sở kỹ thuật hiện có phục vụ cho hoạt động của các cơ quan Nhà nước, đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân;

- Thực hiện tổ chức phục vụ hội nghị, phục vụ ăn nghỉ cho khách và các đại biểu của Trung ương, của tỉnh; các tỉnh, thành phố lân cận về dự họp, thăm và làm việc với Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Được phép sử dụng cơ sở vật chất, lao động, diện tích hiện có để tổ chức hoạt động dịch vụ ăn, nghỉ, cho thuê phòng họp, phòng ăn và các dịch vụ hợp pháp khác để tạo nguồn kinh phí tái đầu tư, sửa chữa, bảo quản cơ sở vật chất, cải thiện đời sống viên chức và người lao động theo quy định;

- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất về tình hình hoạt động của Trung tâm với Sở Lao động Thương binh và Xã hội và các cơ quan có liên quan theo quy định;

- Quản lý về tổ chức, biên chế công chức, viên chức và người lao động; về tài sản, tài chính của Trung tâm theo quy định của Nhà nước và của tỉnh;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do UBND tỉnh và Giám đốc Sở Lao động Thương binh và Xã hội giao theo quy định của pháp luật.

1.2.3. Các công trình xây dựng hiện trạng Trung tâm Điều dưỡng Người có công tỉnh Hải Dương gồm các hạng mục công trình xây sau:

Ký hiệu	Tên hạng mục công trình	Diện tích (m2)	Số tầng	Tổng diện tích sàn (m2)	Năm xây dựng	Năm sửa chữa nhỏ, bảo trì
1	Nhà điều dưỡng A	338	3	1.014	1990	2016
2	Nhà điều dưỡng B	271	3	813	1990	2018
3	Nhà điều dưỡng C	593	2	1.186	1970	2021
4	Nhà làm việc D	224	1	224	1990	2022
5	Nhà nổi N01	112	1	112	1970	2021
6	Nhà nổi N02	110	1	110	1970	2021
7	Nhà bếp, nhà ăn và khu vệ sinh chung	485	1	485	2012	2020
8	Nhà bếp nấu	87	1	87	1998	2020
9	Khu massage	171	1	171	1990	2019
10	Nhà giặt là	61	1	61	2016	
11	Nhà bảo vệ	34	1	34	1990	2022
12	Nhà xe, lán xe	150	1	150	1990	2016

13	Cổng chính (m)	9			2005	2022
14	Bồn hoa, cây xanh	2.200			1990	2023
——	Tường rào (m)	215			1990	2022

1.3. Xác định các hạng mục đầu tư thuộc dự án

Căn cứ các công trình hiện có được bố trí trên tổng mặt bằng khu đất, đảm bảo hoạt động của Trung tâm Điều dưỡng Người có công tỉnh Hải Dương; phù hợp với nguồn vốn được dự kiến trong Nghị Quyết số 65/NQ-HĐND ngày 06/11/2023 của HĐND tỉnh Hải Dương và thực tế hiện trạng các công trình (có ảnh hiện trạng kèm theo). Xác định các hạng mục cần đầu tư cải tạo, sửa chữa như sau:

- Nhà điều dưỡng B, nhà nổi 01, nhà nổi 02 (nhà số 7,8,9 bản vẽ hiện trạng);

- Nhà điều dưỡng C, Khu massage; Nhà bếp nấu; Nhà bếp, Nhà ăn và khu vệ sinh chung (nhà số 2, 3,4,5 bản vẽ hiện trạng);

- Nhà giặt là; trạm biến áp; hệ thống chống sét; hệ thống kỹ thuật ngoài nhà; sân thể thao; nhà xe nhân viên; tường rào, cổng; bồn hoa, cây cảnh, bể cả, cải tạo đất vườn, hệ thống phòng cháy chữa cháy, tháo dỡ công trình cũ, lắp đặt hệ thống loa thông báo;

Hình ảnh hiện trạng:

- Nhà điều dưỡng B:

<table>
<tr><td> </td><td> </td></tr>
<tr><td> </td><td> </td></tr>
<tr><td> </td><td> </td></tr>
</table>

- Nhà điều dưỡng C:

- Nhà nổi 01:

- Nhà nổi 02:

- Nhà bếp, Nhà ăn:

- Khu massage:

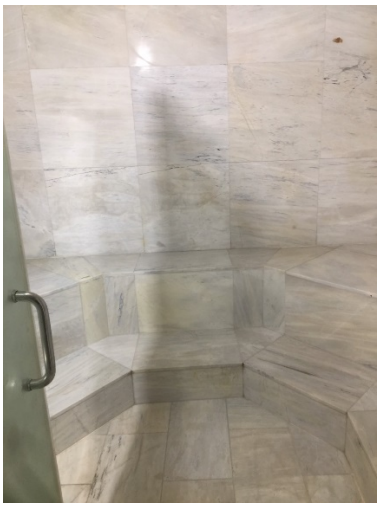

- Nhà giặt là:

- Nhà kho hiện trạng:

- Hạ tầng kỹ thuật và công trình phụ trợ phục vụ cho hoạt động của Trung tâm và đảm bảo quy định về phòng cháy chữa cháy, môi trường gồm:

+ Trạm biến áp (di chuyển và nâng công suất) đảm bảo an toàn và cảnh quan cho trung tâm:

+ Sân thể thao xây hoàn trả do phải giải phóng mặt bằng phục vụ xây dựng dự án Đường vào khu di tích Côn Sơn - Kiếp Bạc (đoạn từ quốc lộ 37 vào Chùa Côn Sơn)

+ Nhà xe, lán xe do phải giải phóng mặt bằng phục vụ xây dựng dự án Đường vào khu di tích Côn Sơn - Kiếp Bạc (đoạn từ quốc lộ 37 vào Chùa Côn Sơn)

+ Cổng, tường rào do phải giải phóng mặt bằng phục vụ xây dựng dự án Đường vào khu di tích Côn Sơn - Kiếp Bạc (đoạn từ quốc lộ 37 vào Chùa Côn Sơn) và tường rào hoa sắt đã bị hoen rỉ, bong tróc và không đảm bảo thẩm mỹ, cảnh quan.

- Bồn hoa, cây xanh cần cải tạo lại cho phù hợp với cảnh quan hiện có.

- Phá dỡ một số hạng mục phục vụ cho việc sửa chữa, cải tạo các hạng mục, đảm bảo yêu cầu phòng cháy chữa cháy và kiến trúc cảnh quan.

1.4. Sự cần thiết đầu tư:

Trung tâm được xây dựng từ những năm 1970 và nằm trên vùng đệm di tích đặc biệt quốc gia Côn Sơn - Kiếp Bạc sau nhiều lần sửa chữa nhỏ, không được xây mới. Do đó các hạng mục công trình đã xuống cấp không đáp ứng được yêu cầu điều dưỡng, chăm sóc sức khỏe của người có công và thân nhân liệt sĩ.

Bình quân hàng năm Trung tâm Điều dưỡng Người có công tỉnh Hải Dương được Sở Lao động – Thương binh và Xã hội phân bổ chỉ tiêu điều

dưỡng cho trên 4.200 lượt người có công và thân nhân liệt sĩ được điều dưỡng, phục hồi sức khỏe tại Trung tâm. Thời gian điều dưỡng, chăm sóc sức khỏe diễn ra trong nhiều tháng liên tục từ ăn uống, ngủ nghỉ đến các hoạt động điều dưỡng, chăm sóc sức khỏe khác trong khi các công trình hạng mục đã xuống cấp. Mặt khác, cùng với sự phát triển của xã hội thì nhu cầu về ăn nghỉ và các hoạt động điều dưỡng, chăm sóc sức khỏe của người có công và thân nhân liệt sĩ ngày càng cao. Do vậy, các hạng mục công trình hiện nay của Trung tâm chưa đáp ứng được nhu cầu của người có công và thân nhân liệt sĩ đến điều dưỡng và tiêu chuẩn theo các văn bản quy định hiện hành.

Các hạng mục công trình của Trung tâm chưa đáp ứng được công tác an toàn, vệ sinh môi trường và phòng cháy chữa cháy theo các quy định hiện hành cần phải cải tạo, sửa chữa để đáp ứng yêu cầu thực tiễn và các quy định hiện hành.

Cùng với sự phát triển của xã hội, chất lượng cuộc sống ngày càng được nâng cao đi kèm với đó là nhu cầu điều dưỡng, chăm sóc sức khỏe của người có công và thân nhân liệt sĩ ngày càng được nâng lên. Tuy nhiên, trong những năm gần đây Trung tâm chưa có sự đổi mới về cơ sở vật chất và các điều kiện khác đáp ứng nhu cầu đó của người có công và thân nhân liệt sĩ. Do vậy, sự cần thiết đầu tư Dự án: Cải tạo Trung tâm Điều dưỡng Người có công tỉnh Hải Dương là thực sự cần thiết và cấp bách.

2. CÁC ĐIỀU KIỆN ĐỂ THỰC HIỆN ĐẦU TƯ

- Dự án Cải tạo Trung tâm Điều dưỡng Người có công tỉnh Hải Dương đã được thông qua danh mục tại Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 06/11/2023 về việc phân phổ, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước 5 năm 2021-2025 và năm 2023 (lần 6).

- Giải phóng mặt bằng: Khu đất cải tạo không cần phải giải phóng mặt bằng.

- Được các cấp, ngành, cán bộ công nhân viên của Trung tâm Điều dưỡng Người có công tỉnh Hải Dương, người có công và thân nhân liệt sĩ, nhân dân trên địa bàn tỉnh ủng hộ về chủ trương và tính cấp thiết cần phải cải tạo công trình.

- Phù hợp với Chương trình số 20/CTr-TU của Tỉnh uỷ về đảm bảo an sinh xã hội tỉnh Hải Dương giai đoạn 2021-2025.

II- ĐÁNH GIÁ VỀ SỰ PHÙ HỢP VỚI QUY HOẠCH CÓ LIÊN QUAN VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

- Dự án phù hợp với Nghị quyết phân bổ, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước 5 năm 2021-2025 và năm 2023 (lần 6).

- Phù hợp với Quyết định số 1007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Quy hoạch hệ thống cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 và đã được tích hợp và phù hợp với chuyên đề tích hợp vào quy hoạch tỉnh Hải Dương thời kỳ 2021-

2030 tầm nhìn 2050.

III- MỤC TIÊU, QUY MÔ, ĐỊA ĐIỂM VÀ PHẠM VI ĐẦU TƯ

1. MỤC TIÊU ĐẦU TƯ:

Cải tạo Trung tâm Điều dưỡng Người có công tỉnh Hải Dương để có điều kiện về cơ sở vật chất; chức năng nhiệm vụ cung cấp các dịch vụ điều dưỡng, chăm sóc sức khỏe cho người có công và thân nhân liệt sĩ; phục vụ các hội nghị, hội thảo và các chương trình, kế hoạch của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh một cách chuyên nghiệp, chuyên biệt.

2. QUY MÔ ĐẦU TƯ:

Cải tạo, sửa chữa các hạng mục công trình sau:

- Nhà điều dưỡng B.
- Nhà điều dưỡng C.
- Nhà nổi 01.
- Nhà nổi 02.
- Nhà bếp, Nhà ăn và khu vệ sinh chung.
- Khu chế biến và sơ chế.
- Khu massage.
- Nhà giặt là.
- Hạ tầng kỹ thuật và công trình phụ trợ phục vụ cho hoạt động của Trung tâm và đảm bảo quy định về phòng cháy chữa cháy, môi trường gồm (Di chuyển và nâng công suất trạm biến áp; hoàn trả sân thể thao, hoàn trả nhà để xe; Cổng, tường rào làm mới để hoàn trả; Bồn hoa, cây xanh; hệ thống chống sét, điện, nước, điện nhẹ, quây khung tạo hồ sen trên mặt nước giữa 2 nhà nổi một số hạng mục phụ trợ khác…).
- Phá dỡ một số hạng mục công trình cũ phục vụ cho việc sửa chữa cải tạo đảm bảo yêu cầu phòng cháy chữa cháy và kiến trúc cảnh quan.
- Cải tạo đất toàn bộ khu vườn cây.

3. Phạm vi đầu tư:

Cải tạo Trung tâm Điều dưỡng Người có công tỉnh Hải Dương, gồm các nội dung chính sau:

- Nhà điều dưỡng B:

+ Sửa chữa toàn bộ nền, trần; mua thay thế trang thiết bị giường, tủ, bàn ghế; thay toàn bộ thiết bị vệ sinh, bình nóng lạnh, điều hoà tại các phòng nghỉ.

+ Cải tạo các khu vệ sinh.

+ Thay thế cửa đi, cửa sổ bằng cửa hệ nhôm kính hoặc gỗ nhóm II đảm bảo động bộ kiến trúc cảnh quan tổng thể.

+ Sơn lại toàn bộ nhà, tường trong các phòng ngủ ốp toàn bộ tường bằng

nhựa công nghiệp (màu gỗ).

+ Thay thế cải tạo mái, phá bỏ bể nước cũ trên mái, thay thế các téc nước bị hỏng.

+ Thay thang máy.

+ Lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy.

+ Một số hạng mục phụ trợ khác ...

- Nhà điều dưỡng C:

+ Sửa chữa thay thế các thiết bị vệ sinh bị hỏng hoặc hoen rỉ, thay thế các thiết bị điều hòa cũ hỏng; thay thế giường, tủ, bàn ghế đã cũ và không phù hợp.

+ Thay thế nền gạch nhà vệ sinh.

+ Sửa chữa hệ thống bóng điện chiếu sáng.

+ Cải tạo phòng lễ tân: ốp tường bằng gỗ; làm lại nền, trần; bổ sung quầy lễ tân; trang thiết bị; hệ thống âm thanh ánh sáng, bổ sung bàn ghế...

- Nhà nổi 01, 02:

+ Sửa chữa toàn bộ trần; mua thay thế trang thiết bị giường, tủ, bàn ghế; điều hoà tại các phòng nghỉ.

+ Sơn lại toàn bộ trong và ngoài nhà, tường trong các phòng ngủ ốp toàn bộ tường bằng nhựa công nghiệp (màu gỗ).

+ Cải tạo 1 phòng ngủ thành phòng ăn.

+ Cải tạo hệ thống mái, thoát nước.

+ Quây khung tạo hồ sen trên mặt nước giữa 2 nhà nổi.

- Khu massage:.

+ Cải tạo, sửa chữa đảm bảo: phòng xông hơi khô, xông hơi ướt với sức chứa từ 20-30 người/phòng; 1 phòng spa; thay thế điều hòa bằng điều hòa âm trần phòng phục hồi chức năng và phòng spa, phòng ngâm chân.

+ Sửa chữa nhà kho, tầng hầm nhà kho: sửa chữa thay mới hệ thống mái tôn, vì kèo sắt, hệ thống thoát nước mái; tường ngoài nhà tróc, chát toàn bộ rồi sơn lại; tường trong nhà ốp lại tường; đục, tẩy nền bị nún sụt rồi lát lại; đi mới lại hệ thống điện ...

+ Phá dỡ, thay thế hệ thống trần cũ bằng trần nhôm khung xương chìm hoặc vật liệu tương đương.

+ Bổ sung hệ thống âm thanh, ánh sáng.

+ Ốp tường nền bằng chất liệu gỗ hoặc nhựa.

+ Sơn mới toàn bộ tường ngoài trừ phần đã ốp.

- Nhà bếp chế biến và sơ chế:

+ Thay thế toàn bộ thiết bị bếp.

+ Bổ sung hệ thống rửa bát tự động.

+ Làm kho lạnh bảo quản thực phẩm.

+ Cải tạo sàn, tường, nghiên cứu liên thông với khu bếp thuộc nhà ăn.

+ Sơn lại toàn bộ trong và ngoài nhà.

+ Sửa chữa tầng hầm thành nhà kho và khu chứa đồ.

- Nhà ăn và khu vệ sinh chung:

+ Ốp toàn bộ tường bằng nhựa công nghiệp (màu gỗ), làm hệ thống đèn trần; ….

+ Bổ sung thiết bị chiếu sáng, màn hình led, thiết bị âm thanh.

+ Vệ sinh công nghiệp lại toàn bộ trần, sàn.

+ Cải tạo khu vệ sinh, bồn rửa tay.

- Nhà giặt là:

+ Thay thế hệ thống mái tôn đã cũ.

+ Bổ sung hệ thống tủ để cất trữ chăn, ga gối, màn ...

+ Ốp lát lại nền nhà.

+ Sơn lại toàn bộ ngoài nhà.

+ Ốp toàn bộ tường bên trong nhà bằng bằng nhựa công nghiệp (màu gỗ) .

+ Phá dỡ, thay thế hệ thống trần cũ bằng trần nhôm khung xương chìm hoặc vật liệu tương đương.

+ Bổ sung bàn khổ lớn để là, gấp chăn, ga….

- Các nội dung khác:

Hạ tầng kỹ thuật và công trình phụ trợ phục vụ cho hoạt động của Trung tâm và đảm bảo quy định về phòng cháy chữa cháy, môi trường gồm:

+ Xây dựng hoàn thiện trạm biến áp công suất dự kiến 560 kVA;

+ Làm mới hệ thống chống sét.

+ Cải tạo sửa chữa hệ thống kỹ thuật ngoài nhà gồm điện, nước, điện nhẹ...

+ Làm mới hoàn thiện Sân thể thao (bao gồm cả hệ thống dàn đèn chiếu sáng).

+ Làm mới nhà xe nhân viên.

+ Xây dựng mới, sửa chữa hoàn thiện tường rào, cổng.

+ Bồn hoa, cây xanh, bể cảnh, cải tạo đất toàn bộ sân vườn.

+ Sửa chữa cải tạo đảm bảo đúng quy định về phòng cháy chữa cháy cho toàn bộ Trung tâm Điều dưỡng Người có công tỉnh Hải Dương (trừ nhà điều dưỡng A (nhà số 6 bản vẽ hiện trạng) được sửa chữa, bảo trì từ nguồn vốn sự nghiệp (70% tổng mức đầu tư từ nguồn vốn pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng, 30% tổng mức đầu tư từ ngân sách địa phương).

+ Phá dỡ một số công trình cũ phục vụ cho việc thi công các hạng mục, đảm bảo yêu cầu phòng cháy chữa cháy và tạo cảnh quan cho Trung tâm.

+ Lắp đặt hệ thống loa thông báo tại các phòng nghỉ.

- Một số hạng mục phụ trợ khác…

IV- DỰ KIẾN TỔNG MỨC ĐẦU TƯ VÀ CƠ CẤU NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ, KHẢ NĂNG CÂN ĐỐI NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG VÀ VIỆC HUY ĐỘNG CÁC NGUỒN VỐN, NGUỒN LỰC KHÁC ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Tổng mức đầu tư:

1.1. Căn cứ

Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020.

Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phíđầu tư xây dựng.

Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

Quyết định số 510/QĐ-BXD ngày 19/5/2023 của Bộ Xây dựng về công bố suất vốn đầu tư xây dựng và giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình năm 2022.

1.2. Thuyết minh tính toán:

1.3 Lý do áp dụng:

- Các hạng mục khi vận dụng suất vốn đầu tư tại Quyết định số 510/QĐ-BXD ngày 19/5/2023 của BXD đã xem xét đến tính chất tương đồng của các hạng mục khi vận dụng.

2. Sơ bộ tổng mức đầu tư (làm tròn): 50 tỷ đồng (*Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng chẵn*) *(đã bao gồm các hạng mục hoàn trả giải phòng mặt bằng theo Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 25/5/2023 của UBND tỉnh Hải Dương về về việc phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án: Đầu tư xây dựng Đường vào khu di tích Côn Sơn- Kiếp Bạc (đoạn từ Quốc lộ 37 vào chùa Côn Sơn).*

Trong đó:

Phần xây dựng:	29.491.385.030 đồng
Phần thiết bị:	11.032.744.000 đồng
Chi phí quản lý dự án:	1.011.998.022 đồng
Chi phí tư vấn:	3.146.682.860 đồng
Chi phí khác:	771.733.966 đồng
Dự phòng phí:	4.545.454.388 đồng

(Có diễn giải chi tiết kèm theo)

3. Cơ cấu nguồn vốn đầu tư, khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công và việc huy động các nguồn vốn, nguồn lực khác để thực hiện dự án

- Cơ cấu nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách tỉnh.

- Khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công: Phù hợp với kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương 5 năm 2021-2025.

- Huy động các nguồn vốn, nguồn lực khác để thực hiện dự án: Không có.

V. DỰ KIẾN TIẾN ĐỘ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐẦU TƯ, DỰ KIẾN KẾ HOẠCH BỐ TRÍ VỐN PHÙ HỢP VỚI ĐIỀU KIỆN THỰC TẾ VÀ KHẢ NĂNG HUY ĐỘNG CÁ NGUỒN LỰC THEO THỨ TỰ ƯU TIÊN HỢP LÝ, BẢO ĐẢM TẬP TRUNG, CÓ HIỆU QUẢ

1. Dự kiến tiến độ triển khai thực hiện đầu tư: Tiến độ thực hiện dự án: 2024-2025.

- Năm 2024: Sửa chữa nhà điều dưỡng C; nhà bếp chế biến và sơ chế; nhà ăn và khu vệ sinh chung; cổng, tường rào; trạm biến áp; sân thể thao; lắp hệ thống loa thông báo;.

- Năm 2025: Sửa chữa nhà điều dưỡng B; Nhà nổi 01,02; khu masage; nhà xe; chống sét; hệ thống kỹ thuật ngoài nhà; nhà giặt là; hệ thống phòng cháy chữa cháy; bồn hoa, cây cảnh, bể cá, cải tạo đất vườn; tháo dỡ công trình cũ.

2. Dự kiến kế hoạch bố trí vốn phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng huy động các nguồn lực theo thứ tự ưu tiên hợp lý, bảo đảm đầu tư tập trung, có hiệu quả:

- Kế hoạch bố trí vốn:

+ Năm 2024: 20 tỷ.

+ Năm 2025: 30 tỷ.

- Khả năng huy động các nguồn lực theo thứ tự ưu tiên hợp lý, bảo đảm đầu tư tập trung, có hiệu quả: Dự án sửa chữa, cải tạo không huy động các nguồn lực khác.

VI. XÁC ĐỊNH SƠ BỘ CHI PHÍ LIÊN QUAN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN VÀ CHI PHÍ VẬN HÀNH DỰ ÁN SAU KHI HOÀN THÀNH

1. Xác định sơ bộ chi phí liên quan trong quá trình thực hiện dự án:

- Đây là dự án xây dựng sử dụng vốn đầu tư công nguồn do vậy các chi phí liên quan trong quá trình thực hiện dự án đã được tính toán trong sơ bộ tổng mức đầu tư đảm bảo thực hiện xong dự án theo kế hoạch đề ra.

2. Xác định sơ bộ chi phí vận hành dự án sau khi hoàn thành

- Chi phí vận hành dự án khi hoàn thành: Đây là dự án cải tạo Trung tâm Điều dưỡng Người có công tỉnh Hải Dương phục vụ cho người có công … với các nội dung phân tích, đánh giá về quy mô công trình được nêu trong Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư này thì chi phí vận hành cho dự án khi hoàn thành chủ yếu là các

chi phí cho việc duy tu, bảo dưỡng bảo trì công trình, các chi phí liên quan đến trang thiết bị điều dưỡng, chăm sóc sức khỏe và làm việc của cán bộ nhân viên Trung tâm. Các chi phí này sẽ được xác định trong kế hoạch chi tiêu hàng năm (chi thường xuyên) và nguồn khác của Trung tâm theo quy định phục vụ cho hoạt động của Trung tâm. Đối với nhân lực phục vụ vận hành và khai thác dự án sử dụng nguồn nhân lực hiện có của Trung tâm và thực hiện chi trả chi phí theo quy định của đơn vị sự nghiệp công lập có thu.

- Do vậy không cần xác định sơ bộ chi phí liên quan trong quá trình vận hành dự án sau khi hoàn thành.

VII. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ SƠ BỘ VỀ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI; XÁC ĐỊNH SƠ BỘ HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ VỀ KINH TẾ-XÃ HỘI

1. Phân tích, đánh giá sơ bộ về tác động môi trường, xã hội

1.1. Cơ sở đánh giá sơ bộ tác động môi trường

Luật Bảo vệ Môi trường 2020 ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Hiện trạng thực tế của Trung tâm Điều dưỡng Người có công tỉnh Hải Dương.

1.2. Dự báo các nguồn gây ô nhiễm

1.2.1. Trong quá trình cải tạo Dự án

Quá trình cảo tạo dự án các nguồn gây ô nhiễm bao gồm các công tác:

Ô nhiễm do giải phóng mặt bằng (phá dỡ công trình cũ): Bụi tiếng ồn.

Ô nhiễm trong quá trình thi công: Bụi, tiếng ồn, nước thải thi công, ô nhiễm nguồn nước, chất thải rắn, thải các nguồn khí độc do máy thi công và phương tiện giao thông (NO_2, CxHy, COx ...)

1.2.2. Trong quá trình hoạt động của Dự án

Sau khi xây dựng hoàn chỉnh Dự án các vấn đề ô nhiễm xuất phát từ các yếu tố cụ thể sau:

Nước thải sinh hoạt.

Nước mưa, nước ngầm.

Chất thải rắn sinh hoạt.

Bụi và tiếng ồn.

1.3. Những yếu tố ảnh hưởng đến môi trường

1.3.1. Môi trường không khí

a) Bụi

Việc san ủi mặt bằng cần một số lượng lớn xe, máy thi công và chuyên

chở vật liệu, do đó sẽ có bụi phát sinh từ:

San ủi mặt bằng.

Từ các xe máy.

Vật liệu rơi vãi từ các xe vận chuyển.

Bụi ảnh hưởng tới công nhân và khu dân cư xung quanh.

b) Khí thải

- Các động cơ trong khi vận hành thải ra không khí CO, CO_2, NO_2 ... Lượng khí thải phụ thuộc vào các loại xe máy sử dụng trên công trường.

c) Tiếng ồn

- Tiếng ồn từ các xe máy hoạt động có ảnh hưởng đến hệ thần kinh của công nhân vận hành máy móc và dân cư xung quanh. Độ ồn phụ thuộc vào loại xe máy và tình trạng kỹ thuật của chúng.

1.3.2. Tác động đến môi trường nước

a) Nước mưa

- Nước mưa chảy từ khu vực thi công sẽ mang khối lượng lớn bùn, đất. Ngoài ra còn có lẫn dầu mỡ do rơi vãi từ các xe máy thi công.

b) Nước thải

- Khi cải tạo xong hạ tầng kỹ thuật, để nước thải sinh hoạt không gây ô nhiễm nguồn nước bởi các chất hữu cơ và vi khuẩn sẽ được xử lý trước khi thoát vào hệ thông thoát nước chung của khu vực.

- Khi đưa dự án vào hoạt động trong quá trình khám chữa bệnh sẽ phát sinh lượng nước thải y tế.

c) Bùn dồn đống trong quá trình thi công

- Theo kinh nghiệm của các dự án cải tạo trong quá trình thi công sẽ có một khối lượng bùn dồn đống lại. Cần phải có biện pháp thi công khoa học và các giải pháp xử lý thích hợp giảm bớt chi phí nạo vét bùn cũng như hạn chế đến mức tối thiểu việc chuyên chở gây rơi vãi mất vệ sinh môi trường.

1.3.3. Rác thải rắn y tế

- Khi vận hành dự án công tác khám, chữa bệnh sẽ làm phát sinh một lượng rác thải rắn y tế. Rác thải rắn này sẽ được xử lý theo quy định.

1.4. Các giải pháp bảo vệ môi trường

a) Bảo vệ môi trường không khí trong quá trình thi công

Việc giảm lượng bụi, tiếng ồn và khí thải trong quá trình thi công có thể thực hiện bằng giải pháp:

Sử dụng xe máy thi công có lượng khí thải, bụi và độ ồn thấp hơn giới hạn cho phép.

Có biện pháp che chắn các xe chuyên chở vật liệu để hạn chế sự lan tỏa

của bụi.

Làm ẩm bề mặt lớp đất san ủi bằng cách phun nước giảm lượng bụi cuốn theo gió.

Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.

Nồng độ bụi: CO_2, SO_2, Nox... của xe, máy móc thiết bị phục vụ thi công nhỏ hơn hoặc bằng:

Bụi: 200 mg/m^3; CO: 1000 mg/m^3; SO_2: 500 mg/m^3; NOx: 850 mg/m^3

Độ ồn cực đại của xe máy thi công: 80dBA.

b) Bảo vệ môi trường nước

- Biện pháp xử lý nước thải sau: Thoát nước tách riêng làm hai hệ thống: Hệ thống thoát nước mưa; hệ thống thoát nước thải sinh hoạt và nước thải y tế. Nước thải sinh hoạt và y tế phải được xử lý qua hệ thống xử lý nước thải trước khi thoát ra hệ thống cống chung của khu vực.

c) Xử lý chất thải rắn

- Chất thải rắn của công trình sẽ được thu gom và vận chuyển đến bãi chứa rác theo quy định và thông qua hợp đồng với công ty vệ sinh môi trường và các tổ chức hợp pháp khác.

d) Quan trắc, kiểm soát môi trường khi thực hiện dự án

Trong quá trình thi công công trình, vận hành dự án, việc quan trắc, kiểm tra, đo đạc và đánh giá tác động môi trường được tiến hành theo đúng quy định. Từ các số liệu quan trắc đo đạc được về các yếu tố môi trường bị tác động, sẽ có các giải pháp hữu hiệu kịp thời để quản lý và xử lý.

1.5. Giải pháp giảm thiểu đến quá trình hoạt động của Trung tâm Điều dưỡng Người có công tỉnh Hải Dương do quá trình triển khai thi công dự án

Dự án Cải tạo, sửa chữa Trung tâm Điều dưỡng Người có công tỉnh Hải Dương được thực hiện tại khuôn viên đất hiện có của Trung tâm Điều dưỡng Người có công tỉnh Hải Dương đang hoạt động. Để khi thực hiện xây dựng dự án không làm ảnh hưởng đến công tác hoạt động của Trung tâm đề nghị trong quá trình thi công xây dựng cần thực hiện đảm bảo yêu cầu sau:

- Đẩy nhanh tiến độ thi công các hạng mục của dự án.

- Dự án sửa chữa, cải tạo trong khuôn viên khu đất của Trung tâm Điều dưỡng Người có công tỉnh Hải Dương và là nơi điều dưỡng, chăm sóc sức khỏe cho người có công và thân nhân liệt sĩ do đó công tác đảm bảo an toàn cho người có công và thân nhân liệt sĩ, cán bộ công nhân viên của Trung tâm Điều dưỡng Người có công tỉnh Hải Dương phải hết sức chú trọng. Trong quá trình triển khai thi công cải tạo biện pháp bảo vệ môi trường, an toàn, phòng chống cháy nổ và an ninh trật tự sẽ được tính toán chi tiết cụ thể và sẽ đề cập chi tiết trong biện pháp tổ chức thi công trong quá trình thi công cải tạo công

trình của nhà thầu.

1.6. Phân tích, đánh giá sơ bộ về yếu tố xã hội của dự án

- Dự án xây dựng trên khuôn viên đất sẵn có, không phải giải phóng mặt bằng do vậy tác động của dự án liên quan đến việc di dân, tái định cư, sinh hoạt và làm việc của nhân dân khu vực xây dựng dự án không bị ảnh hưởng.

- Dự án cải tạo là dự án công trình phục vụ cho nhu cầu điều dưỡng, chăm sóc sức khỏe cho người có công và thân nhân liệt sĩ do vậy không có ảnh hưởng tiêu cực liên quan đến xã hội.

- Trong quá trình triển khai thi công dự án sẽ ảnh hưởng ngắn hạn đến an ninh, trật tự, vệ sinh môi trường. Để hạn chế các ảnh hưởng này và để thuận lợi, đem lại hiệu quả cao nhất trong quá trình thi công, đơn vị thi công thực hiện dự án cần tiến hành các nội dung sau:

+ Tiến hành quây hàng rào tạm và lập hệ thống chắn bụi làm giới hạn và cách ly khu vực thi công với các khu vực lân cận.

+ Toàn bộ hàng rào ngăn cách nêu trên được gắn biển báo hiệu cảnh báo theo quy định để dễ nhận biết từ xa, hàng rào này được thiết kế đủ kiên cố để chịu được gió, các chấn động và các hành động cố tình đột nhập vào khu vực công trường với ý đồ xấu.

+ Trước khi tiến hành thi công nhà thầu phải làm việc, đăng kí tạm trú với công an phường sở tại cho tất cả công nhân thi công trên công trường để quản lí, tránh tình trạng các đối tượng xấu trà trộn vào công trường gây mất trật tự công trường và khu vực xung quanh.

+ Cổng ra vào công trường có bố trí bảo vệ trực 24/24 giờ, đảm bảo chỉ những người có nhiệm vụ mới được vào công trường. Xung quanh công trường phải có điện chiếu sáng bảo vệ vào ban đêm.

1.7. Kết luận và kiến nghị

Việc thực hiện dự án trong giai đoạn thi công cũng có một số tác động tiêu cực, nhưng không đáng kể đối với môi trường không khí và nước. Các tác nhân gây ô nhiễm do hoạt động trong giai đoạn này sẽ giảm rất nhiều và kết thúc tại thời điểm thi công xong.

Xét về tổng thể thì dự án có nhiều tác động tích cực đối với xã hội và cảnh quan của khu vực nói chung và Trung tâm Điều dưỡng Người có công tỉnh Hải Dương nói riêng.

2. Xác định sơ bộ hiệu quả đầu tư về kinh tế - xã hội

- Việc đầu tư xây dựng dự án cải tạo Trung tâm Điều dưỡng Người có công tỉnh Hải Dương từng bước thực hiện hoàn thiện cơ sở vật chất cho Trung tâm theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tiêu chuẩn, quy chuẩn và các quy định về phòng cháy chữa cháy, môi trường, thay thế các điều kiện điều dưỡng, chăm sóc sức khỏe cho người có công và thân nhân liệt sĩ; điều kiện làm việc

cán bộ, công nhân viên đã bị xuống cấp sẽ nâng cao được hơn nữa hiệu quả trong công tác điều dưỡng, chăm sóc sức khỏe cho người có công và thân nhân liệt sĩ; điều kiện làm việc của cán bộ công nhân viên Trung tâm Điều dưỡng Người có công tỉnh Hải Dương.

- Quy mô dự án sẽ sử dụng những loại vật tư, thiết bị công trình phù hợp với thị trường sẵn có và phù hợp với nhu cầu sử dụng nên không làm lãng phí vốn đầu tư nhà nước.

- Qua việc phân tích nêu trên, việc đầu tư dự án cải tạo Trung tâm Điều dưỡng Người có công tỉnh Hải Dương đảm bảo hiệu quả đầu tư về kinh tế và xã hội.

VIII- PHÂN CHIA CÁC DỰ ÁN THÀNH PHẦN (NẾU CÓ)

- Phân chia các dự án thành phần: Không phân chia.

IX- CÁC GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Chủ đầu tư và hình thức Quản lý dự án:

- Thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Các bước thiết kế và lựa chọn các tổ chức tham gia thực hiện dự án:

2.1. Các bước thiết kế: Thiết kế 2 bước

- Khảo sát xây dựng, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế cơ sở và tổng mức đầu tư.

- Khảo sát xây dựng, lập thiết kế bản vẽ thi công, dự toán.

2.2. Lựa chọn tổ chức tham gia thực hiện dự án:

- Theo quy định hiện hành của nhà nước.

D. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Dự án Cải tạo Trung tâm Điều dưỡng Người có công tỉnh Hải Dương được đầu tư cải tạo đảm bảo công tác an sinh xã hội theo đúng đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước là hết sức cần thiết.

Sở Lao động – Thương binh và Xã hội trình UBND tỉnh Hải Dương, Hội đồng thẩm định và các cơ quan, ban ngành có liên quan thẩm định và trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư của dự án với các nội dung đã đề cập ở trên./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu KHTC, VT.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TỈNH HẢI DƯƠNG

Bùi Thanh Tùng

TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, SỬA CHỮA TRUNG TÂM ĐIỀU DƯỠNG NGƯỜI CÓ CÔNG TỈNH HẢI DƯƠNG
ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG CỘNG HÒA, THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

TT	KHOẢN MỤC CHI PHÍ	DIỄN GIẢI	DIỆN TÍCH (M2/HA)	SUẤT ĐẦU TƯ (Đ/M2)	HỆ SỐ	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ (Đ)	THUẾ VAT (Đ)	GIÁ TRỊ SAU THUẾ (Đ)	CĂN CỨ/CƠ SỞ
I	**Chi phí GPMB, SDĐ**	**Ggpmb**				**0**		**0**	
II	**Chi phí xây dựng**	**Gxd**				**26,810,350,027**	**2,681,035,003**	**29,491,385,030**	
1	Phần cải tạo Nhà điều dưỡng C	QĐ 510/2023/QĐ-BXD	1,186.0	5,730,700 đồng/m2	0.944	5,832,727,299	583,272,730	6,416,000,029	
2	Phần cải tạo Nhà massage ngâm chân	QĐ 510/2023/QĐ-BXD	171.0	5,730,700 đồng/m2	0.944	840,975,015	84,097,502	925,072,517	
3	Phần cải tạo Nhà bếp nấu	QĐ 510/2023/QĐ-BXD	87.0	5,730,700 đồng/m2	0.944	427,864,481	42,786,448	470,650,930	
4	Phần cải tạo Nhà bếp, Nhà ăn và khu vệ sinh chung	QĐ 510/2023/QĐ-BXD	485.0	5,730,700 đồng/m2	0.944	2,385,221,535	238,522,153	2,623,743,688	
5	Phần cải tạo Nhà điều dưỡng B	QĐ 510/2023/QĐ-BXD	813.0	5,730,700 đồng/m2	0.944	3,998,319,809	399,831,981	4,398,151,790	
6	Phần cải tạo Nhà nổi 01	QĐ 510/2023/QĐ-BXD	112.0	6,742,000 đồng/m2	0.944	648,016,524	64,801,652	712,818,176	
7	Phần cải tạo Nhà nổi 02	QĐ 510/2023/QĐ-BXD	110.0	6,742,000 đồng/m2	0.944	636,444,800	63,644,480	700,089,280	
8	Trạm biến áp 560KVA	QĐ 510/2023/QĐ-BXD	560.0	680,000 đồng/KV	0.944	326,795,636	32,679,564	359,475,200	

				A					
9	Sân tennis	QĐ 510/2023/QĐ-BXD	612.0	4,667,000 đồng/m2	0.925	2,401,807,909	240,180,791	2,641,988,700	
10	Nhà xe nhân viên	QĐ 510/2023/QĐ-BXD	120.0	4,686,000 đồng/m2	0.936	478,483,200	47,848,320	526,331,520	
11	Nhà đón tiếp	QĐ 510/2023/QĐ-BXD	50.0	4,686,000 đồng/m2	0.936	199,368,000	19,936,800	219,304,800	
12	Cổng, tường rào làm mới		100.0	2,500,000 đồng/md	1.000	227,272,727	22,727,273	250,000,000	
13	Cổng, tường rào cải tạo		115.0	1,500,000 đồng/md	1.000	156,818,182	15,681,818	172,500,000	
14	Bồn hoa, cây xanh		2,200.0	1,170,572 đồng/m2	1.000	2,341,144,000	234,114,400	2,575,258,400	
15	Nội thất liền tường					4,545,454,545	454,545,455	5,000,000,000	
16	Quây khung tạo hồ sen trên mặt nước giữa 2 Nhà nổi					909,090,909	90,909,091	1,000,000,000	
17	Phá dỡ một số công trình cũ phục vụ	Ước tính				454,545,455	45,454,545	500,000,000	
III	**Chi phí thiết bị**	**Gtb**				**10,029,767,273**	**1,002,976,727**	**11,032,744,000**	
1	Phần cải tạo Nhà điều dưỡng C	QĐ 510/2023/QĐ-BXD	1,186.0	1,168,000 đồng/m2	1.000	1,259,316,364	125,931,636	1,385,248,000	
2	Phần cải tạo Nhà massage ngâm chân	QĐ 510/2023/QĐ-BXD	171.0	1,168,000 đồng/m2	1.000	181,570,909	18,157,091	199,728,000	
3	Phần cải tạo Nhà bếp nấu	QĐ 510/2023/QĐ-BXD	87.0	1,168,000 đồng/m2	1.000	92,378,182	9,237,818	101,616,000	
4	Phần cải tạo Nhà bếp, Nhà ăn và khu	QĐ 510/2023/QĐ-BXD	485.0	1,168,000 đồng/m2	1.000	514,981,818	51,498,182	566,480,000	

	vệ sinh chung								
5	Phần cải tạo Nhà điều dưỡng B	QĐ 510/2023/QĐ-BXD	813.0	1,168,000 đồng/m2	1.000	863,258,182	86,325,818	949,584,000	
6	Máy phát điện + Phụ kiện					1,818,181,818	181,818,182	2,000,000,000	
7	Trạm biến áp 560KVA	QĐ 510/2023/QĐ-BXD	560.0	2,032,000 đồng/KVA	1.000	1,034,472,727	103,447,273	1,137,920,000	
8	Sân tennis	QĐ 510/2023/QĐ-BXD	612.0	314,000 đồng/m2	1.000	174,698,182	17,469,818	192,168,000	
9	Nội thất, đồ rời					4,090,909,091	409,090,909	4,500,000,000	
IV	**Chi phí quản lý dự án**	**Gqlda**				**1,011,998,022**		**1,011,998,022**	
1	Chi phí quản lý dự án	(Gxd+Gtb)*2.747%				1,011,998,022		1,011,998,022	Theo TT số 12/2021/TT-BXD
V	**Chi phí tư vấn**	**Gtv**				**2,860,620,782**	**286,062,078**	**3,146,682,860**	
1	Khảo sát địa chất + địa hình	Ước tính				136,363,636	13,636,364	150,000,000	
2	Lập báo cáo dề xuất chủ trương đầu tư	(Gxd+Gtb)*0.432%				159,149,307	15,914,931	175,064,237	Theo TT số 12/2021/TT-BXD
3	Lập báo cáo nghiên cứu khả thi	(Gxd+Gtb)*0.823%*1.15				348,673,290	34,867,329	383,540,619	Theo TT số 12/2021/TT-BXD
4	Thiết kế bản vẽ thi công-Lập dự toán	Gxd*2.843%*1.1				838,440,076	83,844,008	922,284,084	Theo TT số 12/2021/TT-BXD
5	Chi phí thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả	(Gxd+Gtb)*0.151%				55,628,577	5,562,858	61,191,435	Theo TT số 12/2021/TT-BXD

	thi								
6	Chi phí thẩm tra thiết kế xây dựng	Gxd*0.211%				56,569,839	5,656,984	62,226,822	Theo TT số 12/2021/TT-BXD
7	Chi phí thẩm tra dự toán	Gxd*0.207%				55,497,425	5,549,742	61,047,167	Theo TT số 12/2021/TT-BXD
8	Chi phí lập HSMT xây dựng và đánh giá HSDT thi công xây dựng	Gxd*0.312%				83,648,292	8,364,829	92,013,121	Theo TT số 12/2021/TT-BXD
9	Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT mua sắm thiết bị	Gtb*0.367%				36,809,246	3,680,925	40,490,170	Theo TT số 12/2021/TT-BXD
10	Chi phí giám sát thi công xây dựng	Gxd*2.758%				739,429,454	73,942,945	813,372,399	Theo TT số 12/2021/TT-BXD
11	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị	Gtb*0.844%				84,651,236	8,465,124	93,116,359	Theo TT số 12/2021/TT-BXD
12	Giám sát khảo sát	KS*4.072%				5,552,727	555,273	6,108,000	Theo TT số 12/2021/TT-BXD
13	Thẩm định giá	Gtb*0.2%				20,059,535	2,005,953	22,065,488	
14	Chi phí lập báo cáo đề xuất giấy phép môi trường	Ước tính				136,363,636	13,636,364	150,000,000	
15	Chi phí tư vấn lập HSMT và đánh giá HSDT gói thầu tư vấn thiết kế	Gtvtk*0.816%				6,841,671	684,167	7,525,838	Theo TT số 12/2021/TT-BXD

16	Chi phí tư vấn lập HSMT và đánh giá HSDT gói thầu tư vấn giám sát	Gtvgs*0.816%				6,033,744	603,374	6,637,119	Theo TT số 12/2021/TT-BXD
17	Các chi phí tư vấn khác					90,909,091	9,090,909	100,000,000	
VI	**Chi phí khác**	**Gk**				**728,566,381**	**43,167,585**	**771,733,966**	
1	Phí thẩm định dự án đầu tư	TMĐT*0.015%				7,500,000		7,500,000	Thông tư 28/2023/TT-BTC
2	Phí thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi (Thuộc cơ quan chuyên môn của Người QĐ đầu tư)	TT BCNCKT*15%				8,344,287		8,344,287	Theo TT số 12/2021/TT-BXD
3	Phí thẩm định thiết kế kỹ thuật	Gxd*0.11%				29,491,385		29,491,385	Thông tư 27/2023/TT-BTC
4	Phí thẩm định dự toán	Gxd*0.106%				28,418,971		28,418,971	Thông tư 27/2023/TT-BTC
5	Phí thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy	TMĐT*0.008%				4,000,000		4,000,000	Thông tư 258/2016/TT-BTC
6	Chi phí kiểm toán	TMĐT*0.45%				225,000,000	22,500,000	247,500,000	Nghị định 99/2021/NĐ-CP
7	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	TMĐT*0.285%*50%				71,250,000		71,250,000	Nghị định 99/2021/NĐ-CP
8	Chi phí bảo hiểm công trình	(Gxd+Gtb)*0.08%				29,472,094	2,947,209	32,419,303	Nghị định 67/2023/NĐ-CP

9	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công xây dựng và khi hoàn thành thi công xây dựng	GS*20%				147,885,891		147,885,891	Thông tư số 10/2021/TT-BXD
10	Chi phí thẩm định HSMT gói thầu thi công xây dựng	Gxd*0.05%				13,405,175	1,340,518	14,745,693	Theo NĐ số 63/2014/NĐ-CP
11	Chi phí thẩm định kết quả LCNT gói thầu thi công xây dựng	Gxd*0.05%				13,405,175	1,340,518	14,745,693	Theo NĐ số 63/2014/NĐ-CP
12	Chi phí thẩm định HSMT gói thầu mua sắm lắp đặt thiết bị	Gtb*0.05%				5,014,884	501,488	5,516,372	Theo NĐ số 63/2014/NĐ-CP
13	Chi phí thẩm định kết quả LCNT gói thầu mua sắm lắp đặt thiết bị	Gtb*0.05%				5,014,884	501,488	5,516,372	Theo NĐ số 63/2014/NĐ-CP
14	Chi phí thẩm định HSMT gói thầu tư vấn thiết kế	Tối thiểu				1,000,000	100,000	1,100,000	Theo NĐ số 63/2014/NĐ-CP
15	Chi phí thẩm định kết quả LCNT gói thầu tư vấn thiết kế	Tối thiểu				1,000,000	100,000	1,100,000	Theo NĐ số 63/2014/NĐ-CP
16	Chi phí thẩm định HSMT gói thầu tư vấn giám sát	Tối thiểu				1,000,000	100,000	1,100,000	Theo NĐ số 63/2014/NĐ-CP

17	Chi phí thẩm định kết quả LCNT gói thầu tư vấn giám sát	Tối thiểu				1,000,000	100,000	1,100,000	Theo NĐ số 63/2014/NĐ-CP
18	Các chi phí khác (Xin phép, đấu nối..)					136,363,636	13,636,364	150,000,000	
VII	**Dự phòng phí**	**Gdp**				**4,132,231,262**	**413,223,126**	**4,545,454,388**	
1	Dự phòng phát sinh khối lượng + đầu việc	(Gxd+Gtb+Gqlda+Gtv+Gk)*10%				4,132,231,262	413,223,126	4,545,454,388	Thông tư 11/2021/TT-BXD
VIII	**TỔNG CỘNG**	**GPMB+XD+TB+QL+TV+CK+DP**				**45,573,533,746**	**4,426,464,519**	**49,999,998,265**	
	LÀM TRÒN							**50,000,000,000**	